TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 618/2019/DSPT
Ngày: 26/11/2019.
V/v tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNCẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng

Ông Trần Văn Mười.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tạiThành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-STngày 08 tháng 01 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3014/2019/QĐPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mạch Văn U, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: đường Tr, khóm 6, Phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:*

1. Ông Mạch Văn B, sinh năm 1949 (vắng mặt).
2. Anh Mạch Thiên K, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Mạch Văn B: Anh Mạch Thiên K, sinh năm 1973; địa chỉ khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh "Theo văn ban ủy quyền ngày 19/10/2018" (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Mạch Thiên Nh, sinh năm 1976 (vắng mặt).
2. Chị Mạch Thị Thiên K, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Chị Nguyễn Thị Anh Th, sinh năm 1977 (vắng mặt).

4. Em Mạch Thị Anh V, sinh năm 1998 (vắng mặt).

5. Em Mạch Thiên Kh, sinh năm 2001 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của anh Nh, chị K, chị Th, em V và em Kh: Anh Mạch Thiên K, sinh năm 1973; địa chỉ khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh "Theo các văn bản ủy quyền ngày 12/7/2017, ngày 23/4/2014, ngày 17/11/2018 và ngày 19/11/2018" (có mặt).

6.Anh Mạch Thiên Kh1, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

7. Bà Mạch Thị Thu C, sinh năm 1944 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

8. Bà Mạch Thị B, sinh năm 1938 (vắng mặt).

Địa chỉ: T T N 1 Y 465 Canada.

9. Bà Mạch Thị Ch, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: đường số 8, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cua bà C, bà B: Ông Mạch Văn M1, sinh năm 1955; địa chỉ đường Tr, khóm 6, phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long - Theo văn bản ủy quyền ngày 09/01/2014 (có mặt).

10. Ông Mạch Văn M1, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: đường Tr, khóm 6, phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

11. Ồng Mạch Văn T, sinh năm 1951 (vắng mặt).

Địa chỉ: H G P - Texas 75025 USA.

12. Bà Mạch Thị Th, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường Tr, khóm 6, phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông T và bà Th: Ông Mạch Văn U, sinh năm 1959; địa chỉ đường Tr, khóm 6, Phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long "Theo văn bản ủy quyền ngày 17/10/2013 và ngày 13/01/2014" (có mặt).

13. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thành O -Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ - Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện C (theo văn bản ủy quyền ngày 18/5/2018); (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Mạch Văn U; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mạch Văn M1, bà Mạch Thị Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 5 năm 2007 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Mạch Văn U trình bày:

Cụ Mạch B1 và cụ Nguyễn Thị H có 13 người con, nhưng 05 người đã chết lúc còn nhỏ, còn lại 08 người gồm: (1) Bà Mạch Thị B, (2) bà Mạch Thị Thu C, (3) ông Mạch Văn B (Bị đơn), (4) ông Mạch Văn T, (5) bà Mạch Thị Ch, (6) ông Mạch Văn M1, (7) ông Mạch Văn U (Nguyên đơn), (8) bà Mạch Thị Th.

Lúc sinh thời, cụ B1 và cụ H tạo lập được khối tài sản là căn nhà có diện tích 80m^2(4m x 20m) gắn liền với đất, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trước giai phóng năm 1975, ông B lập gia đình và ở tại tỉnh Bến Tre. Sau giải phóng năm 1975, vợ chồng ông B cùng với con tên Mạch Thiên K trở về huyện C, tỉnh Trà Vinh sống chung với hai cụ. Năm 1982, cụ B1 chết, không để lại di chúc. Năm 1983, cụ H kê khai, đăng ký đất theo Chỉ thị số 299/TTg.

Ngày 03/7/1991, cụ H được cấp Giấy phép sửa chữa căn nhà nói trên, việc xây dựng, sửa chữa căn nhà hoàn thành khoảng thời gian cuối năm 1991, đầu năm 1992; nguồn tiền dùng để xây dựng, sửa chữa căn nhà, phần lớn là của cụ H và anh chị em trong gia đình đóng góp. Ngoài ra, dì Sáu (ở Hoa Kỳ) gửi cho cụ H 500 USD; bà Ch gửi thép xây dựng và 200 bao xi măng từ Thành phố Hồ Chí Minh về cho cụ H. Khi khởi công xây dựng căn nhà, do cụ H không biết chữ và lớn tuổi; còn ông B ở chung với cụ H và làm nghề xây dựng, nên cụ H giao cho ông B trông coi việc xây dựng, nhưng tiền vật tư và tiền công thợ đều do cụ H chi trả. Ông B và các con khác của cụ H đóng góp ngày công, cùng với thợ để xây dựng nhà cho cụ H. Đến ngày 04/4/2003, cụ H lập di chúc để lại căn nhà và diện tích đất nói trên cho ông quản lý làm nơi thời cúng ông bà, cha mẹ, không được sang bán, cầm cố, thế chấp hay chuyển dịch cho người khác. Do vợ chồng ông B và anh K sống chung với cụ H; anh K lợi dụng cụ H già yếu và không biết chữ, nên đã làm giả mạo di chúc để kê khai, đăng ký đất. Khi biết được sự việc thì sày 01/4/2005, cụ H làm đơn khởi kiện anh K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C bao vệ quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất cho cụ H. Tòa án nhân dân huyện C đã lấy lời khai cụ H ngày 05/7/2004. Đến ngày 04/4/2005, Tòa án nhân dân huyện C chuyển hồ sơ vụ việc đến Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, vì cụ H có 02 người con đang định cư ở nước ngoài. Vụ việc chưa được Tòa án nhân dân tinh Trà Vinh thụ lý, thì ngày 06/10/2006, cụ H chết. Nay, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B, anh K và các thành viên trong hộ gia đình ông B và các thành viên trong hộ gia đình anh K có nghĩa vụ giao trả căn nhà và diện tích đất cho ông, để ông quản lý theo di chúc của cụ H.

Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 21/9/2015, bị đơn ông Mạch Văn B trình bày:

Năm 1960, cụ B1 và cụ H được chính quyền của chế độ cũ cấp một lô đất có chiều ngang 04m, chiều dài 20m, tại khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau đó, hai cụ xây dựng căn nhà trệt; vài năm sau đó, cụ B1 xây nối tiếp phần nhà sau chiều ngang 4,5m, chiều dài 15m. Do căn nhà nói trên bị mục, nên năm 1992, ông được gia đình đồng ý cho xây dựng lại nhà và đến đầu năm 1993 thì thi công xong phần khung, sàn lát gạch bông và tô tường để ở; đồng thời, tiếp tục xây dựng đến năm 2000 mới hoàn thành căn nhà. Do ông đã ở trong căn nhà này gần 50 năm và có công sức gìn giữ, tôn tạo ngôi nhà, nên ông yêu cầu xem xét, giải quyết cho gia đình ông được quản lý căn nhà và đất này. Nếu không giao cho ông được quản lý căn nhà và đất này, thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Mạch Văn U và những người cùng hàng thừa kế còn lại có nghĩa vụ thanh toán chi phí quản lý, tôn tạo, sửa chữa nhà cho ông với số tiền bằng 950.000.000 đông.

Theo đơn yêu câu phản tố ngày 21/9/2015, bị đơn anh Mạch Thiên K trình bày: Anh là con ruột của ông B, cùng với ông B ở trong căn nhà này từ đó đến nay. Hơn nữa, ngày 15/6/1996 bà nội của anh (Cụ H) có lập "Bản di chúc" cho anh được thừa hưởng căn nhà và diện tích đất nói trên đê lo thờ phụng ông bà, tổ tiên. Đến ngày 25/5/1999, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định thu hồi đất số 904/QĐ-CTT-99 và bồi thường giá trị quyền sử dụng đất với số tiền bằng 26.602.432 đồng (Hai mươi sáu triệu sáu trăm lẻ hai nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng). Ngày 10/02/2010, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 301/QĐ-UBND cấp quyền sử dụng đất cho anh, diện tích 50,8m^2 (Phần đất phía sau căn nhà của cụ H). Do đó, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được hưởng số tiền và diện tích đất trên.

Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm: Ông Mạch Văn M1, bà Mạch Thị Thu C, bà Mạch Thị Ch yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với 1/2 (Một phần hai) di sản do cụ B1 để lại trong khối di sản chung giữa cụ B1 và cụ H thành 08 phần, cho 08 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ B1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông, Mạch Văn T lập "Giấy chấp thuận" ngày 02/11/2006 cho ông U được hưởng phần thừa kế của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mạch Thị B lập "Giấy chấp thuận" ngày 06/11/2006 cho ông M được hương phần thừa kế của bà B.

Theo những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Anh Mạch Thiên Nh, chị Mạch Thị Thiên K, chị Nguyễn Thị Anh Th, em Mạch Thị Anh V, em Mạch Thiên Kh thống nhất với ý kiến của các bị đơn.

Theo người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Trước đây, dãy phố chợ C có thâm hậu 20m. Trong quá trình sử dụng, các hộ (28 hộ), tự lấn chiếm thêm diện tích phía sau khoảng 150m^2, trong đó có hộ ông Mạch Văn B cùng con là Mạch Thiên K. Ngày 25/5/1999, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 904/QĐ- CTT-99 thu hồi

phần đất của 28 hộ đã lấn chiếm, với tổng diện tích là 2.364,9m^2, trong đó có hộ ông Mạch Văn B cùng con là Mạch Thiên K. Đến cuối năm 2008, đầu năm 2009, Ủy ban nhân dân huyện C tổ chức nhiều cuộc họp dân, xung quanh việc đầu tư xây dựng tuyến đường số 5 (Nay là đường H), qua đó Ủy ban nhân dân huyện sẽ công nhận thêm phần đất thâm hậu cho các hộ dân là 10 m (Tức dãy phố chợ sẽ được 30m), phần diện tích còn lại Ủy ban nhân dân huyện sẽ thu hồi để làm đường vào Chợ. Lúc đó, Ủy ban nhân dân huyện chỉ bồi thường giá trị nhà ở, vật kiến trúc, cây trái có trên đất; không bồi thường đất. Kết quả, được 28 hộ dân đồng tình ủng hộ Ủy ban nhân dân huyện đã bồi thường vật kiến trúc, cây trái cho anh K và ông B số tiền bằng 26.602.423 đồng. Cuối năm 2009, anh K làm đơn xin xem xét công nhận 10 m và Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 10/02/2010 công nhận cho anh Mạch Thiên K được sử dụng diện tích đất 50,8m^2. Nay, Ủy ban nhân dân huyện C khẳng định việc công nhận diện tích đất 50,8m^2 cho anh K và bồi thường giá trị vật kiên trúc, cây trái cho anh K số tiền bằng 26.602.423 đồng, là đúng đối tượng và đúng pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2008/DS-ST ngày 15-9-2008, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Bác yêu cầu của ông Mạch Văn U, bà Mạch Thị Thu C, bà Mạch Thị Ch, ông Mạch Văn Mười, bà Mạch Thị Th yêu cầu ông Mạch Văn B thực hiện theo di chúc ngày 04/4/2003 của cụ Nguyễn Thị H để lại.

Giao cho hộ ông Mạch Văn B tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà và đất thửa số 74, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Hộ ông Mạch Văn B có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Mạch Văn U, bà Mạch Thị Thu C, bà Mạch Thị Ch, ông Mạch Văn M1, bà Mạch Thị Th, ông Mạch Văn T, bà Mạch Thị B mỗi người 46.344.200 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/9/2008, ông Mạch Văn U có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết công nhận di chúc của cụ H lập ngày 04/4/2003.

Ngày 22/9/2008, ông Mạch Văn M1, bà Mạch Thị Thu C, bà Mạch Thị Ch và bà Mạch Thị Th có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao căn nhà và đất cho ông Mạch Văn U quản lý theo di chúc của cụ H lập ngày 04/4/2003.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 104/2009/DS-PT ngày 09-4-2009, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 12/2008/DS-ST ngày 15-9-2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh – phần quyết định chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Mạch B1 và cụ Nguyễn Thị H để lại. Cụ thể hủy phần:

"Hộ ông Mạch Văn B có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Mạch Văn U, bà Mạch Thị Thu C, bà Mạch Thị Ch, ông Mạch Văn M1, bà Mạch Thị Th, ông Mạch Văn

T, bà Mạch Thị B mỗi người 46.344.200 đồng" và phần:

Về án phí: Bà Mạch Thị B, bà Mạch Thị Thu C, ông Mạch Văn B, ông Mạch Văn T, bà Mạch Thị Ch, ông Mạch Văn M1, ông Mạch Văn U, bà Mạch Thị Th mỗi người phải chịu 2.317.210 đồng án phí dân sự sơ thẩm".

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Giao cho ông Mạch Văn U quản lý, sử dụng căn nhà và đất thửa số 74, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh để ở và thờ cúng ông bà, cha mẹ, không được sang bán, không được chuyển dịch quyền sở hữu hoặc cầm thế. Ông Mạch Văn U có nghĩa vụ bảo quản, giữ gìn di sản và thực hiện việc thờ cùng ông bà, cha mẹ.

Toàn bộ 08 người gồm: Bà Mạch Thị B, bà Mạch Thị Thu C, ông Mạch Văn B, ông Mạch Văn T, bà Mạch Thị Ch, ông Mạch Văn M1, ông Mạch Văn U, bà Mạch Thị Th có quyền họp lại để quyết định cử một người khác trong số Tám người này đứng ra quản lý và thực hiện nghĩa vụ thờ cúng, nếu ông Mạch Văn U không có điều kiện trông coi, giữ gìn tài sản.

Ông Mạch Văn B, anh Mạch Thiên K, chị Nguyễn Thị Anh Th và các thành viên khác trong hộ gia đình ông B, gia đình anh K đang ở trong căn nhà di sản trên được tiếp tục lưu cư trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (09/4/2009) và phải giao lại toàn bộ di sản là căn nhà và đất thửa số 74, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho ông Mạch Văn U khi hết thời hạn lưu cư.

Về chi phí xây dựng, duy tu, bảo dưỡng đối với căn nhà di sản và phần di sản ông Mạch Văn B được thừa hưởng của cụ Mạch B1; nếu các đương sự có yêu cầu mà không thê tự giải quyết được với nhau, thì có thế khởi kiện thành một vụ án khác.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về chi phí khảo sát, định giá và ánphí.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ông Mạch Văn B có đơn đề nghị giám đốc thẩm bản án phúc thâm nêu trên.

Tại Quyết định số 117/2012/KN-DS ngày 06-4-2012, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị bản án dân sự phúc thẩm số 104/2009/DS-PT ngày 09-4-2009 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thâm hủy bản án dân sự phúc thẩm số 104/2009/DS-PT ngày 09-4-2009 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và hủy bản án dân sự sơ thẩm số 12/2008/DS-ST ngày 15-9-2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 69/2013/DS-GĐT ngày 14-6-2013 của Hội

đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định:

Hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 104/2009/DS-PT ngày 09-4-2009 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 12/2008/ DS-ST ngày 15-9-2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2019, Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mạch Văn U về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Mạch B1 và cụ Nguyễn Thị H đối với diện tích đất 93,6m^2, cùng với căn nhà gắn liền với đất.

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông Mạch Văn U về việc yêu cầu chia diện tích đất 50,8m^2 (Thực đo 46,3m^2) do ủy ban nhân dân huyện C công nhận cho anh K, cùng số tiền bằng 26.602.423 đồng (Hai mươi sáu triệu sáu trăm lẻ hai nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng) do Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường, hổ trợ cho anh K.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Mạch Văn B về việc yêu cầu thanh toán chi phí sửa chữa, xây dựng căn nhà; công sức quản lý, gìn giữ di sản.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Mạch Thiên K về việc yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích đất 50,8m (Thực đo 46,3m^2) do Ủy ban nhân dân huyện C công nhận cho anh K, cùng với số tiền bằng 26.602.423 đồng (Hai mươi sáu triệu sáu trăm lẻ hai nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng) do Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường, hổ trợ cho anh K.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Mạch Văn M1, bà Mạch Thị Ch, bà Mạch Thị Thu C về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Mạch B1 và cụ Nguyễn Thị H đối với diện tích đất 93,6m^2, cùng với căn nhà gắn liền với đất.

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Mạch Văn M1, bà Mạch Thị Ch, bà Mạch Thị Thu C về việc yêu cầu chia diện tích đất 50,8m^2 (Thực đo 46,3m^2) do Ủy ban nhân dân huyện C công nhận cho anh K, cùng với số tiền bằng 26.602.423 đồng (Hai mươi sáu triệu sáu trăm lẻ hai nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng) do Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường, hỗ trợ cho anh K.

Giao cho ông Mạch Văn B được tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ di sản thừa kế của cụ Mạch B1 và cụ Nguyễn Thị H gồm: Diện tích đất 93,6m^2, thửa số 74, loại đất ở đô thị, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn C, huyện C, cùng với căn nhà gắn liền với đất (Loại nhà ở độc lập, móng, khung cột dầm, một trệt, một lững, một lầu, tường xây gạch, trám vữa, sơn bê, cửa sắt, nền gạch, mái ngói). Đất có tứ cận và kích thước như sau:

- Hướng Đông giáp thửa số 63, kích thước 20 mét;
- Hướng Tây giáp thửa số 64, kích thước 20 mét;

- Hướng Nam giáp diện tích đất anh Mạch Thiên K đang sử dụng (Phân B), kích thước 4,70 mét;

- Hướng Bắc giáp Đường nhựa, kích thước 4,66 mét.

(Có sơ đồ kèm theo)

Buộc ông Mạch Văn B có nghĩa vụ thanh toán giá trị di sản cho bà Mạch Thị Thu C, bà Mạch Thị Ch, ông Mạch Văn M1, mỗi người bằng 115.585.800 đồng (Một trăm mười lăm triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm đồng); thanhtoán cho ông Mạch Văn U, bà Mạch Thị B, ông Mạch Văn T và bà Mạch Thị Th, mỗi người bằng 1 15.585.800 đồng (Một trăm mười lăm triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm đồng), do ông Mạch Văn U đại diện nhận.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Mạch Văn B được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quyết định của bản án này, theo quy định của Luật Đất đai, sau khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán giá trị di sản cho bà B, bà C, ông T, bà Ch, ông M, ông U và bà Th và các khoản chi phí phát sinh khác (nếu có).

Anh Mạch Thiên K tiếp tục liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 10/02/2010 về việc công nhận diện tích 50,8m^2, loại đất ở đô thị, thửa số 74, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho hộ anh K, đối với phần diện tích đất anh K đang sử dụng theo quy định của Luật Đất đai.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 22-01-2019, nguyên đơn ông Mạch Văn U; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mạch Văn M1, bà Mạch Thị Út kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của đương sự trong hạn nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Tại đơn khởi kiện đầu tiên, nguyên đơn ông Mạch Văn U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B, anh K, cùng các thành viên trong hộ gia đình ông B và các thành viên trong hộ gia đình anh K có nghĩa vụ giao trả căn nhà và diện tích đất 80m^2 cho ông U, để ông U quản lý di sản dùng để thờ phụng ông bà, cha mẹ theo

nội dung di chúc của cụ Nguyễn Thị H lập ngày 04/4/2003. Sau khi vụ án bị hủy và thụ lý lại theo thủ tục sơ thẩm, ông U khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết chia diện tích đất 50,8m^2, thửa số 74, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân huyện C công nhận cho anh K, theo Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 10/02/2010; đồng thời, ông U yêu cầu Tòa án giải quyết chia số tiền 26.602.423 đồng (Hai mươi sáu triệu sáu trăm lẻ hai nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng) do Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường, hỗ trợ cho anh K.

Bị đơn ông Mạch Văn B phản tố yêu cầu ông U và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác cùng hàng thừa kế với ông B và ông U có nghĩa vụ thanh toán chi phí sửa chữa căn nhà, công sức quản lý di sản cho ông B bằng 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng). Còn bị đơn Mạch Thiên K yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền sử dụng đất, diện tích 50,8m^2, thửa số 74, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh mà Ủy ban nhân dân huyện C công nhận cho anh K, theo Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 10/02/2010; đồng thời, anh K yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh K được nhận số tiền 26.602.423 đồng (Hai mươi sáu triệu sáu trăm lẻ hai nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng) do Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường, hỗ trợ cho anh K.

[2.1]. Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự. Thấy rằng:

[2.1.1]. Đối với yêu cầu hưởng thừa kế theo di chúc: Tờ di chúc do cụ H lập ngày 04/4/2003, có nội dung chỉ định ông U là người đứng ra quản lý di sản làm nơi thờ phượng ông bà, cha mẹ, không ai được tranh cản..; tờ di chúc được cụ H điểm chỉ và có 03 (Ba) người làm chứng gồm: Bà Mạch Thị Th, ông Mạch Văn M1, Luật sư Trần Bá T và được Công chứng viên Nguyễn Ngọc A thuộc Phòng Công chứng số 01 tỉnh Vĩnh Long chứng nhận (BL 466, 467).

*Về hình thức:*Tờ di chúc của cụ H là di chúc bằng văn bản đúng quy định tại Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 1995. Di chúc có điểm chỉ của người lập di chúc; có người làm chứng: Luật sư T, bà Mạch Thị Th và ông Mạch Văn M1. Tuy nhiên, bà Th và ông M là người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ H nên theo Điều 657 của Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định *"Mọi người đều có thể làm chứng cho việc lập di chúc, trừ những người sau đây: 1. Người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của người lập di chúc..."*, thì tờ di của cụ H không đảm bảo có ít nhất từ hai người làm chứng, đúng theo quy định tại Điều 659 của Bộ luật Dân sự năm 1995.

Về nội dung tờ di chúc: Ghi rõ ngày, tháng, năm lập di chúc; họ, tên và nơi cư trú của người lập di chúc; họ, tên người được chỉ định quản lý di sản và nghĩa vụ của người được chỉ định quản lý di sản đúng quy định tại các điểm a, b, c, đ khoản 1 Điều 656 của Bộ luật Dân sự năm 1995. Tuy nhiên, trong nội dung di chúc của cụ H chỉ đề cập đến nơi có di sản là một căn nhà tại Chợ C mà không ghi cụ thể di sản để lại bao nhiêu mét vuông diện tích đất và bao nhiêu mét vuông diện tích căn nhà (Hoặc chiều ngang, chiều dài của diện tích đất và chiều ngang, chiều dài của diện tích căn nhà), tứ cận của căn nhà và tứ cận diện tích đất giáp

ranh giới như thế nào, là chưa đảm bảo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 656 của Bộ luật Dân sự năm 1995.

Như vậy, Tờ di chúc không hợp pháp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 655 của Bộ luật Dân sự năm 1995.

Về tài sản định đoạt trong di chúc: Căn nhà gắn liền với đất, là tài sản chung của vợ chồng cụ B1 và cụ H tạo lập. Cụ B1 chết vào năm 1982 và trước khi chết, cụ B1 không lập di chúc để lại phần tài sản của cụ B1 trong khối tài sản chung của vợ chồng cho cụ H hay cho người nào khác được hưởng. Cho nên, việc cụ H lập di chúc định đoạt cả 1/2 (Một phần hai) di sản thừa kế của cụ B1 để lại chưa chia, cho ông U là không đúng quy định tại Điều 233 của Bộ luật Dân sự năm 1995 về sở hữu chung của vợ chồng và Điều 237 của Bộ luật Dân sự năm 1995 về định đoạt tài sản chung.

Do đó, ông U yêu cầu ông B, anh K và các thành viên trong hộ gia đình ông B, các thành viên trong hộ gia đình anh K có nghĩa vụ giao trả căn nhà gắn liền với đất cho ông U quản lý theo nội dung di chúc của cụ H ngày 04/4/2003, là không có căn cứ chấp nhận.

[2.1.2]. Đối với yêu cầu nếu di chúc của cụ H lập ngày 04/4/2003 không hợp pháp thì ông U yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ H và cụ B1 theo pháp luật.

Về thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế:

Cụ B1 chết năm 1982, thừa kế mở trước ngày 10/9/1990, nên thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế, cụ thể: Thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990. Theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về thời hiệu thừa kế để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm và điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định "Thời hiệu được áp dụng theo quy định cua Bộ luật này". Như vậy, từ ngày 10/9/1990 đến ngày ông U khởi kiện bổ sung (Ngày 15/10/2017), là 27 năm 01 tháng 05 ngày nên còn trong thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kếtheo pháp luật (Còn trong thời hiệu 30 năm). Cụ H chết ngày 06/10/2006, nên còn trong thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Về di sản thừa kế:

Tại Công văn số 27/VPĐKQDSĐ, ngày 02/4/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C thể hiện: *".. bản đồ năm 1983 không có chỉnh lý từng vị trí của từng thửa nêu trên bản đồ nên không thể cung cấp chính xác được, đất tọa lạc khu vực 1, xã M nay là khóm 1, thị trấn C, nhưng trong đó có thửa 566y20 do bà Nguyễn Thị H kê khai diện tích 235m^2..."*(BL517).

Tại biên bản khảo sát, định giá ngày 27/02/2008 thể hiện: Diện tích đất là

241,98m^2; phần vị trí 1, có diện tích 93,8m^2 và vị trí 2, có diện tích 148,18m^2 (Thuộc phần quy hoạch lộ giới); căn nhà trước, loại nhà 03 tầng, khung bêtông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch men và gạch bông, mái bêtông cốt thép và mái ngói; nhà liền kề nhà trước, loại nhà khung bêtông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch bông, mái lợp tole; nhà sau, loại nhà khung bêtông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch bông và gạch tàu, mái lợp tôle (BL 81).

Sau khi thụ lý lại vụ án và tiến hành đo đạc thực tế, thì diện tích đất tranh chấp là 139,9m^2; trong đó, ông B đang quản lý Phần A, có diện tích 93,6m^2 và anh K đang quản lý Phần B, có diện tích 46,3m^2 (BL 668, 669).

Tuy nhiên, theo Quyết định số 2348/QD-CTT ngày 08/12/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giải quyết khiếu nại của 28 hộ dân cư ngụ khóm 1, thị trấn C, huyện C thể hiện: Chiều dài của mỗi căn nhà thuộc dãy phố Chợ C là 20 mét, phần diện tích đất còn lại do các hộ dân tự lấn chiếm (BL 106, 407, 408).

Như vậy, di sản thừa kế do cụ B1 và cụ H để lại được xác định là diện tích đất 93,6m^2, cùng với căn nhà gắn liền với đất. Phần diện tích đất còn lại thuộc đất công do Nhà nước quản lý và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã thu hồi để thực hiện việc quy hoạch xây dựng Chợ C nên không phải là di sản thừa kế của cụ B1 và cụ H.

Về hàng thừa kế:

Cụ B1 và cụ H có tất cả 13 người con, trong đó: Có 05 người đã chết lúc còn nhỏ, còn lại 08 người gồm: Bà Mạch Thị B, bà Mạch Thị Thu C, ông Mạch Văn B, ông Mạch Văn T, bà Mạch Thị Ch, ông Mạch Văn M1, ông Mạch Văn U và bà Mạch Thị Th.

Xét thấy:

Nếu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 93,6m^2, cùng với căn nhà gắn liền với đất bằng hiện vật thành 08 (tám) phần thì diện tích đất và căn nhà gắn liền với đất của mỗi phần được chia không đảm bảo điều kiện về đất ở, nhà ở và điều kiện sinh hoạt. Hiện nay, bà B, bà C, ông T, bà Ch, ông M, ông U và bà Th đều có nhà ở ổn định, còn ông B thì không có chỗ ở nào khác nên cần giao di sản bằng hiện vật cho ông B,ông B trả giá trị mỗi kỷ phầncho 7 đồng thừa kế còn lại là hợp tình hợp lý.

[2.1.3]. Đối với yêu cầu của ông Mạch Văn U về việc yêu cầu ông K giao lại diện tích đất 50,8m^2 thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ 26 mà Ủy ban nhân dân huyện C công nhận cho anh K vì là đất cha mẹ ông U để lại. Xét thấy: Theo tư liệu địa chính năm 1998, sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi phần đất lấn chiếm để xây dựng Chợ C, thì anh K không còn chỗ ở nào khác; đồng thời, diện tích đất không phải di sản của cụ B1 và cụ H để lại nên việc Ủy ban nhân dân huyện C quyết định giao đất cho anh K, là thực hiện theo trình tự, thủ tục do Luật Đất đai quy định. Vì vậy, anh K tiếp tục liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đê làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ.

[2.1.4]. Đối với yêu cầu của ông U yêu cầu ông K giao lại số tiền 26.602.423 đồng (Hai mươi sáu triệu sáu trăm lẻ hai nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng) mà anh K đã nhận khi bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để xây dựng Chợ C. Xét thấy: Khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi phần diện tích đất do các hộ dân lấn chiếm đất công vào năm 1999, để thực hiện việc quy hoạch xây dựng Chợ C thì có 28 hộ dân khiếu nại, yêu cầu bồi hoàn giá trị nhà ở, công trình phụ và hỗ trợ công sức tôn tạo đất trong khu vực giải tỏa; trong đó có anh Mạch Thiên K (BL 408). Xét, anh K đã bỏ một khoản chi phí và công sức trong quá trình khiếu nại tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi thu hồi đất. Còn ông U và những người cùng hàng thừa kế với ông U không có ai đứng ra khiếu nại. Cho nên, giao cho anh K được hưởng số tiền bằng 26.602.423 đồng (Hai mươi sáu triệu sáu trăm lẻ hai nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng) do Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường, hỗ trợ cho anh K là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Mạch Văn U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mạch Văn M1, bà Mạch Thị Ch.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, được chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mạch Văn U,ông Mạch Văn M1, bà Mạch Thị Chlà người cao tuổi nên được miễn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Mạch Văn U; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mạch Văn M1, bà Mạch Thị Ch.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mạch Văn U,ông Mạch Văn M1, bà Mạch Thị Ch được miễn nộp.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng **Trần Văn Mười** **Hoàng Thanh Dũng**